

Nh&#228;ng s&#229; ph&#228;c t&#229;p và l&#228;t l&#229; trong cách xưng hô t&#228;t l&#228; đi&#228;u g&#228;i trong văn hoá Việt Nam?



### *N&#228;n t&#228;ng c&#228;a gia đình là huy&#228;t th&#228;ng*

Tôi nghĩ đ&#228;n hai đi&#228;u:

Th&#228; nh&#228;t, qua vi&#228;c s&#228; d&#228;ng h&#228; th&#228;ng t&#228; v&#228;ng ch&#228; thân t&#228;c làm đ&#228;i t&#228; nh&#228;n x&#228;ng, ng&#228; i Việt Nam đã bi&#228;n gia đình thành h&#228; quy chi&#228;u c&#228;a quan h&#228; xã h&#228;i. Ng&#228; i nào ngang tu&#228;i ông bà mình thì t&#228; đ&#228;ng tr&#228; thành “ông”, “bà”; ng&#228; i nào ngang tu&#228;i chú bác cô dì thì t&#228; đ&#228;ng tr&#228; thành “chú”, “bác”, “cô”, “dì”; ng&#228; i nào ngang tu&#228;i anh ch&#228; thì t&#228; đ&#228;ng bi&#228;n thành “anh”, “ch&#228;”, v.v... Nh&#228; th&#228;, xã h&#228;i đ&#228;c xem nh&#228; m&#228;t gia đình m&#228; r&#228;ng.

N&#228;n t&#228;ng c&#228;a gia đình là huy&#228;t th&#228;ng. Đi&#228;u này, tôi nghĩ, gi&#228;i thích t&#228;i sao ng&#228; i Việt không s&#228; d&#228;ng m&#228;t s&#228; t&#228; nh&#228; “v&#228;”, “ch&#228;ng”, “d&#228;u” và “r&#228;” làm đ&#228;i t&#228; nh&#228;n x&#228;ng. Tr&#228;c đây, đã có ng&#228; i nêu ý &#228;y. Cao Xuân H&#228;o ph&#228;n bác: “thím” và “d&#228;ng” d&#228;u khác g&#228;i “d&#228;u” và “r&#228;”? Cũng là nh&#228;ng ng&#228; i &#228; ngoài huy&#228;t t&#228;c c&#228; thôi.(1)

Tuy nhiên, tôi nghĩ, nh&#228;ng tr&#228;ng h&#228;p này không gi&#228;ng h&#228;n nhau. “Thím” và “d&#228;ng” là nh&#228;ng cách g&#228;i t&#228; nh&#228;ng ng&#228; i thu&#228;c vai cháu; trong khi “v&#228;”/“ch&#228;ng” và đ&#228;c bi&#228;t, “d&#228;u”/“r&#228;” là nh&#228;ng thu&#228;t ng&#228; đ&#228;c dùng b&#228;i nh&#228;ng ng&#228; i đang đ&#228;ng &#228; vai trên: cha m&#228;. Ng&#228; i thu&#228;c vai d&#228; i ph&#228;i ch&#228;p nh&#228;n v&#228; th&#228; c&#228;a ng&#228; i trên, trong khi đó, ng&#228; i b&#228; trên có quy&#228;n kh&#228;ng ch&#228; ng&#228; i d&#228; i: v&#228; ch&#228;ng ph&#228;i bi&#228;n thành “anh”/“em”; d&#228;u và r&#228; ph&#228;i bi&#228;n thành “con”/“cháu” m&#228;i th&#228;c s&#228; bi&#228;n thành nh&#228;ng thành vi&#228;n ru&#228;t th&#228;t trong gia đình.

Xem xã h&#228;i nh&#228; m&#228;t gia đình m&#228; r&#228;ng cũng là m&#228;t đi&#228;u hay.

... , thì...hay. Nhưng dù , cũng là m chuyện n d .

Dĩ nhiên, theo tôi, là về cách nhìn y, người Việt Nam rất khó xây dựng được một xã hội công dân thực sự, đó, từ cách mà người được xác định bằng một tiêu chí duy nhất: luật pháp. Không phải ngẫu nhiên mà ở Việt Nam, chỉ có một người duy nhất cách xưng hô dựa trên hình thức thân tộc hoàn toàn bộ lạc và bộ : toà án. Nghĩ cũng phải ch . Chúng ta quan toà là phán: “cháu tuyên án bác 30 năm tù kh sai vì tội giết người có vũ khí.” hay: “Anh phải em 2 năm tù vì tội làm điếm.” Chúng ta thế ?

Thế nhưng, tại sao trong các cơ quan công quyền khác, người ta lại có tiếp xúc bác bác cháu cháu? Nghe, dường như là thân mật, thậm chí, dân chủ nữa, nhưng theo tôi, chính cái cách xưng hô như thế đã góp phần ngăn chặn quá trình dân chủ hóa của Việt Nam: người xưng “bác” hay xưng “chú” có thể tiếp xúc được đoán và người xưng “cháu” tiếp xúc chấp nhận những sự được đoán ý là những điều bình thường.

Có thể nói, cách xưng hô như thế rất dễ làm triệt tiêu cảm giác phần n chính đáng của người dân khi đi đến với những sự bất công. Mà không có cảm giác phần n ý thì sẽ không thế nào có được một xã hội công dân thực sự .

Thứ hai, cách xưng hô trong tiếng Việt cho thấy tính chặt chẽ thế trong ngôn ngữ và trong tư duy của người Việt.

Chúng ta không hề có những khái niệm mang tính khái quát cao như các đi từ trong phần lớn các ngôn ngữ Tây phương: trong đi từ tho , mà người, với từ cách cá nhân, đều thuộc một trong ba phạm trù: người phát ngôn (ngôi thứ nhất), người trực tiếp đón nhận việc phát ngôn (ngôi thứ hai); và người được đề cập đến trong nội dung của lời phát ngôn (ngôi thứ ba). Lấy tiếng Anh làm ví dụ : là khi phát ngôn thì ai cũng như nhau, cũng là “I” . Chuyện trò, thế nhưng xưng “I” gọi “you” mà tên lính quèn cũng xưng “I” và gọi “you”. Trong tiếng Việt, chúng ta không có những khái niệm nào thế nhưng người và những “I”, những “you” ý.

Hình như trong cách nhìn của nền văn hoá truyền thống Việt Nam, không có khái niệm cá nhân như một cái gì được lập, chỉ được xác định bằng một tiêu chí duy nhất: hành ngôn. Cá nhân chỉ được định nghĩa theo các quan hệ nhất định: với người này, họ n là “ông”, với người n , họ n là “cha”, với người kia, họ n là “anh”, với người khác nữa, họ n là “em”, v.v...

Thầy nghe tôi nói này:

“Là lên nào. Cúi xuống trông chuyện bay bây giờ. Này, này đây cái dù cho cháu cầm cho; còn ba đây cái xách cho con. Còn anh này, anh cứ ra xe trước đi để em khóa cửa cho. À này..., mấy đây xem giùm mấy cái cửa sổ phía sau mà đã khóa key chưa? Là đi. Trông đi!”

Chỉ qua mấy câu nói ngắn gọn như vậy, chúng ta thấy là người pha đang nói chuyện với bốn, năm người khác nhau. Với mỗi người, chỉ làm một cúc hoá thân: Với ông học bà này, chỉ xưng là “cháu”; với ba, chỉ xưng là “con”; với chồng, chỉ xưng là “em”, và với mấy đứa con, chỉ xưng là “má”. Như vậy, người pha này thực sự là ai? Câu trả lời: không là ai cả. Chúng ta chỉ có thể xác định chỉ khi đặt chỉ trong mối quan hệ với những người khác.

Đặc biệt, tất cả những quan hệ này đều tồn tại: chúng thay đổi xoay quanh. Mỗi sự thay đổi đều dẫn đến sự thay đổi trong tất cả các cửa người phát ngôn. Có thể nói, với người Việt Nam, mối liên hệ chuyện trò là mối liên hệ đóng mở vai nhậ để nh: đóng vai ông/bà, đóng vai cha/má, đóng vai con/cháu, đóng vai anh/em, v.v...

Đã vậy, người Việt còn có thói quen thích đóng các vai... gì. Ví dụ, một người đàn ông 50 tuổi có thể gọi một người đàn ông khoảng 30 tuổi là “bác” và xưng là “cháu”: người này đang nhập vào vai đứa con của ông để gọi người khác.

Việt Nam, người ta gọi cách xưng hô như thế là tôi nói khiêm. Trong quan hệ với chồng, người ta cũng hay nhập vai con để gọi người pha người: vậy sẽ không gọi chồng là “anh” mà là “bố ông cu” hay “bố nó” hay, gần hơn, chỉ là “bố” suông thôi. Người pha, nói chuyện với chồng, người pha có thể không xưng “em” mà tôi xưng là... “má”, kiểu:

“Bố ơi, chị u nay bố có đi Footscray không?”

“Có. Má có cần gì không?”

“Ừ, bố mua cho má thùng xoài nghe.”

“Xoài gì mà xoài. Má ăn tuấn trước mà. Ăn xoài nhiều nóng lắm, đâu có bố béo gì...”

“Trông đi, nóng với nực gì, bố mà sao nhiều chuyện quá. Mùa này xoài đang rẻ, cứ cho con ăn cho đã. Hết mùa thì tôi nó tôi nh.”

“Má mà cứ hay chị u con...”

Ngày xưa, để biết mình quen hay trong họ, người ta còn cố gắng tránh tất cả mọi vai trò như thế: người ta cố gắng là “ai” và xưng là “ai” một cách hết sức bằng qu. Thuý Kiều nói với Kim Trng: “Đến đi u nguy t n hĩa kia / Ngoài ra, ai là i t c gì v i ai.” Tên Đà nói với người tình nhân không quen biết: “Ai như ng nh ai, ai ch ng nh / Đ ai lu ng nh ng nh ai hoai.” Thì cũng là như ng ki u nh p vai gi, cái vai vô hình.

Nói chuyện là bước phải đóng một vai như thế. Do đó, trên nguyên tắc, bằng tiếng Việt, mọi cuộc đời đều có một bước khó. Đến một mình, cá nhân sẽ không là gì cả. Mà để tho i, như thế là tranh luận, cũng khó. Tôi đã ch ng ki n, trong các cuộc họp hành, vô số như ng cu c cãi c bằng tiếng Anh rất gay g t. Cãi k ch li t. Cãi đ n n i đ n ch n. Th nh ng, sau buổi họp, đầu i vào đ y, mọi người i là b n bè, i chuyện trò hoà nhã v i nhau, nh không h có chuyện gì xảy ra. Tuy nhiên, cũng như ng ng i y, khi cãi v i nhau bằng tiếng Việt thì i khác. Khác h n. Ngay khi đang cãi c, người ta đã có thể linh c m đ c là có cái gì đó đang đ v. Tại sao? Lý do chính, tôi đoán, ch y u là ... tiếng Việt.

Mà thế. Cãi v i nhau bằng tiếng Anh, mọi người i đều bình đ ng ngay t đ u: ai cũng là “I” và “you”. T v th bình đ ng y, người ta có thể an tâm t p trung vào lý luận để giành thế i trong lý luận và bằng lý luận.

Cãi v i nhau bằng tiếng Việt thì khác. T kh i s, đã có cái gì nh không bình đ ng và cũng không sòng ph ng: người i n tu i h n thì xưng “bác” hay “anh”, do đó, t t m th c, đã m h c m th y mình đang t th b trên, th đàn anh; người i tr h n, người c i, phải xưng “cháu” hoặc “em”, do đó, cũng t trong t m th c, đã có chút m c c m y u th. Đ bù l p cái m c c m y u th y, như ng người i tr h n, ngoài lý luận, thế ng t đ ng s đ ng m t s bi n pháp khác: khuôn m t đanh l i m t chút, giọng nói to lên m t chút, giọng đi u chì chi t h n m t chút, ch nghĩa n ng n h n m t chút.

Có khi người ta i c cách xưng hô: bình th ng thì anh anh em em; khi cãi nhau thì anh/ch v i tôi. Đ i v i như ng người i đ t mình v th cha, chú, anh, ch ... t t c nh ng đi u y đ u d dàng gây th ng t n. Nghe ch “tôi” t mi ng m t người i v n th ng xưng “em” v i mình, người ta d có c m t ng nh b h b hay b ph n b i. C m giác “đ v” không ch ng xu t phát t đó.

C m giác y càng rõ h n khi v ch ng cãi nhau. B t đ u cãi, đang t c, người i v ph i xưng “em”, càng d th y... t c h n. C m th y nh mình b x ép. Càng đ bù lu bù loa h n n a. V n th y b ép. C ph i xưng “em” là i th y b ép. Bèn đ i thành “tôi” cho... ngang c. Ch ng,

chúng ta cần biết và nói đúng hay sai, chúng ta nghe chữ “tôi” bất bình thường lắm, đã dùng dùng cái gì, có cảm giác là vậy mình... hèn lẻo, đòi đả chánh... mình.

Tôi tuy tôi chỉ nghĩ là một hình thức báo hành, tôi trong gia đình đến ngoài xã hội, nhưng tôi tin là tôi hiểu được lý do gì đã thúc đẩy nhiều gã đàn ông, trong những trường hợp như thế, đã không tìm kiếm được, phải vùng tay lên: cái hèn muốn đánh, trước hết, là chữ.

Chữ, chữ không phải là người.

### **Chú thích:**

1.Cao Xuân Hào (2001), Tiếng Việt Văn Việt Người Việt, Thành phố HCM: Nxb Trẻ, tr. 298 (chúng ta “Mọi vấn đề văn hoá trong cách xưng hô của người Việt”). Vấn đề xưng hô trong tiếng Việt, có thể xem thêm Võ Phiến (1999), Cẩm nang, California: Văn Mới, tr. 29-38 (chúng ta “Cái tiếng mình nói”).